

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21-3-2022.

V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương.
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Xuân và ông Hoàng Văn Thảo.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Uyên - Thư ký Tòa án TAND huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị S, sinh năm 1978.

Trú tại: Xóm BC, xã SM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ văn hóa: 12/12.

(có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1977.

Trú tại: Xóm BC, xã SM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/12.

(vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai khai nguyên đơn chị S trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau năm 2001 tại UBND xã NT, huyện VN, tỉnh Thái

Nguyên. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hải A, sinh ngày 22/6/2002 và Nguyễn Thị Hương N, sinh ngày 09/7/2010. Tài sản chung có 01 lô đất khoảng 1000 m²; 01 lô đất khoảng 1500m²; 01 ngôi nhà sàn; 01 xe mô tô và một số tài sản sinh hoạt trong gia đình. Nợ chung không có.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Trong quá trình chung sống với nhau ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau khi chung sống một thời gian hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Anh N không quan tâm đến vợ con và gia đình, thường xuyên say rượu về nhà gây sự chửi bới, đánh đập và còn dọa chém giết chị. Do bị đe dọa nên chị đã phải chuyển ra ngoài ở từ tháng 10/2021. Đến nay chị thấy không thể chung sống với anh N được nữa nên chị làm đơn xin ly hôn anh N. Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Hải A, sinh năm 2002 đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết, cháu Nguyễn Thị Hương N1, sinh ngày 09/7/2010, cháu có nguyện vọng ở với ai thì sẽ theo ý kiến của cháu, nếu con có nguyện vọng ở với chị chị đề nghị anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 tháng. Về tài sản chung chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:** Anh đồng ý với phần trình bày của chị S về thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn xảy ra, thì thoảng hai vợ chồng có to tiếng nhưng không nghiêm trọng. Nay chị S xin ly hôn anh không biết lý do vì sao chị S xin ly hôn anh. Anh không đồng ý ly hôn với chị S, đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau cùng nuôi dạy con cái.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên toà: Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà phù hợp với các quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn thực hiện hết quyền và nghĩa vụ của mình.

Việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ vợ chồng: Xét thấy chị S và anh N kết hôn năm 2001 có đăng ký kết hôn tại UBND xã SM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Tuy anh N không muốn ly hôn nhưng chị S vẫn cương quyết ly hôn không về chung sống với anh N nữa. Nhận thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra không thể giải quyết, đã ly thân từ tháng 9/2021 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S được ly hôn anh N.

Về con chung: Cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 22/6/2002 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị Hương N1, sinh ngày 09/7/2010 có nguyện vọng sống cùng chị S, đồng thời hiện nay đang sống cùng chị S và học hành ổn định. Để đảm bảo cuộc sống cho con của chị S và anh N được chăm sóc và giáo dục tốt Hội đồng xét xử xét thấy cần tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Hương N1, sinh ngày 09/7/2010 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về đóng góp nuôi con chung: Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho anh N do chị S không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị S đề nghị tự thỏa thuận chia tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn là anh Nguyễn Văn N cư trú tại xóm BC, xã SM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị S và anh N về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị S và anh N là cuộc hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có 02 con chung, từ năm 2021 trở lại đây cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không giải quyết được và sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng, không còn tình cảm, không còn quan tâm đến đời sống của nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án anh N không nhất trí ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt, nhưng chị S vẫn cương quyết ly hôn không về chung sống cùng anh N nữa, HĐXX nhận thấy hôn nhân giữa chị S và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

[3]. Về con chung: Chị S và anh N có 02 con chung là 02 con chung là Nguyễn Hải A, sinh ngày 22/6/2002 và Nguyễn Thị Hương N1, sinh ngày 09/7/2010. Qua

nguyên cứu hồ sơ vụ án thấy con chung của chị S và anh N là Nguyễn Hải A, sinh ngày 22/6/2002 đã trưởng thành, HĐXX không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị Hương N, sinh ngày 09/7/2010 có đơn đề nghị được sống cùng chị S, HĐXX xét thấy tại phiên tòa vắng mặt anh N, để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N1 theo nguyện vọng của cháu xét cần giao cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết tại Tòa án chị S đề nghị anh N đóng góp nuôi con chung cùng chị 1.000.000 đồng/1 tháng đối với cháu N1. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt, chị S không yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị, do đó tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với anh N.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận chia nhau, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Bồi lễ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Hà Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2- Về con chung: Giao cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Hương N1, sinh ngày 09/7/2010 đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh N có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với anh N.

4- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5- Về nợ chung: Không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6- Về án phí: Buộc chị Hà Thị S chịu 300.000^d án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số chị S đã nộp 300.000^d tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0004871 ngày 17/12/2021.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết tại UBND xã.

Nơi nhận:

- VKS huyện Võ Nhai;
- THADS huyện Võ Nhai;
- UBND xã Bình Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Hương

Các thành viên hội đồng xét xử Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa